

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Ông Phạm Văn Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Minh Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 31/2025/TB-TA ngày 10 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị L ; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; **có mặt.**

- Bị đơn: Anh Nguyễn Mạnh H ; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án đề ngày 02 tháng 4 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Mạnh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V ,

quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (nay là phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2003, quyển số 01/2003, ngày 12/8/2003. Thời gian đầu chị L và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên từ năm 2020, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, anh H thường xuyên có những hành vi chửi bới chị. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H.

- Về con chung: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Mạnh H có hai con chung là Nguyễn Dương Trung C, sinh ngày 31/10/2003 và Nguyễn Thị Thanh T sinh ngày 15/12/2012. Con chung Nguyễn Dương Trung C đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động nên chị L không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh H đề nghị nuôi con chung nên chị đề nghị Tòa án giao con Nguyễn Thị Thanh T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để tự thỏa thuận giao nhận cho nhau.

- Về tài sản chung: Chị Vũ Thị L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H không có quan điểm trình bày tại Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Vũ Thị L ly hôn anh Nguyễn Mạnh H. Giao con Nguyễn Thị Thanh T sinh ngày 15/12/2012 cho **anh Nguyễn Mạnh H** trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án này. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Vũ Thị L khởi kiện xin ly hôn bị đơn là anh Nguyễn Mạnh H đang cư trú tại Tổ Dân Phố H, phường A, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Hải vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh H .

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Mạnh H đã được xác lập là hợp pháp. Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2003, quyền số 01/2003, ngày 12/8/2003 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (nay là phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh đã xác định được mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Vũ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H .

[3]. Về con chung: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Mạnh H có hai con chung là Nguyễn Dương Trung C , sinh ngày 31/10/2003 và Nguyễn Thị Thanh T sinh ngày 15/12/2012. Con chung Nguyễn Dương Trung C đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, chị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Để đảm bảo quyền lợi của con chung và của các đương sự, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con chung thì giao con Nguyễn Thị Thanh T cho **anh Nguyễn Mạnh H** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung: Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết; mặt khác, chưa có lời khai của anh H về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Mạnh H .

2. Về con chung: Chị Vũ Thị L và anh Nguyễn Mạnh H có hai con chung là Nguyễn Dương Trung C , sinh ngày 31/10/2003 và Nguyễn Thị Thanh T sinh ngày 15/12/2012. Con chung Nguyễn Dương Trung C đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, chị L không đề nghị Toà án giải quyết. Giao con chung là Nguyễn Thị Thanh T cho **anh Nguyễn Mạnh H** trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có đủ khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010548 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Mạnh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 2 – Hải Phòng;
- Chi cục THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND xã phường N, Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 113/2003, quyền số 01/2003, ngày 12/8/2003);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Lý

